

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 131/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19/11/2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH A**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Trọng Ngoan;

Ông Đặng Hữu Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thành Thái - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 652/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Tấn L, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Ấp K, xã M, huyện H, tỉnh K.

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị Kim T, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh A.

Tại phiên tòa, ông L có mặt; bà T vắng mặt lần thứ hai.

NỘI D VU ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 27/8/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Võ Tấn L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Tấn L và bà Đỗ Thị Kim T quen biết nhau qua mai mối, tổ chức lễ cưới vào đầu năm 2013 dưới sự chứng kiến của cha mẹ hai bên nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, ông bà sống hạnh phúc khoảng hai năm, đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm trong cuộc sống một thời gian dài, tính tình không hợp nhau. Hiện tại ông bà đã sống ly thân khoảng ba năm nay. Do tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà T.

- Về quan hệ con chung: Ông bà có 01 (Một) con chung tên Võ Kim D, sinh ngày 25/12/2013. Sau khi vợ chồng ly thân thì ông là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến nay. Hiện tại cháu D đang sinh sống ổn định cùng với ông, ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu D. Ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có nên ông Võ Tấn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/9/2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Đỗ Thị Kim T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Kim T và ông Võ Tấn L quen biết nhau qua mai mối, vợ chồng có tổ chức lễ cưới vào năm 2013 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian sống ly thân từ cuối năm 2015 cho đến nay thì vợ chồng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm. Do thời gian ly thân đã lâu, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc nên bà đồng ý ly hôn với ông L.

- Về con chung: Ông bà có 01 (Một) con chung tên Võ Kim D, sinh ngày 25/12/2013. Sau khi vợ chồng ly thân thì cháu D sinh sống ổn định cùng với cha là ông Võ Tấn L. Hiện tại bà đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Do đó bà đồng ý để ông L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Bà đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung, nếu ông L có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông L trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án,

- Nguyên đơn ông Võ Tấn L trình bày lời khai như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; yêu cầu được ly hôn với bà Đỗ Thị Kim T, xác định từ khi

ly thân đến nay ông bà không có biện pháp nào để khắc phục, hàn gắn tình cảm. Yêu cầu được nuôi dạy con chung tên Võ Kim D, sinh ngày 25/12/2013, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Bên cạnh đó, nguyên đơn còn xác định, ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án thì không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Bị đơn bà Đỗ Thị Kim T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Võ Tấn L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Đỗ Thị Kim T. Đồng thời, bà T có nơi cư trú trên địa bàn thành phố L. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý, giải quyết.

[1.2] Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đối với phiên tòa được mở lần thứ nhất và Quyết định hoãn phiên tòa đối với phiên tòa hôm nay nhưng bà T vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đây là lần thứ hai bà T vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa ông Võ Tấn L và bà Đỗ Thị Kim T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013 đến nay, có tổ chức lễ cưới nhưng ông bà không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy, hôn nhân giữa ông Võ Tấn L và bà Đỗ Thị Kim T đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 về đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét đến mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng giữa ông L và bà T.

Theo Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm c Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình thì từ sau ngày 01/01/2001, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, không công nhận ông L và bà T là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Ông Võ Tấn L và bà Đỗ Thị Kim T xác định ông bà có 01 (Một) con chung tên Võ Kim D, sinh ngày 25/12/2013. Quá trình giải quyết vụ án, ông L và bà T thống nhất giao cháu D cho ông L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Tại phiên tòa, ông L xác định, sau khi vợ chồng ly thân thì con chung Võ Kim D sinh sống ổn định cùng ông. Hiện nay ông có mở một tiệm sửa xe Honda, thu nhập từ 700.000đ – 1.000.000/ngày, có đủ khả năng trang trải cuộc sống và nuôi dạy con chung. Bên cạnh đó ông còn được sự phụ giúp của cha mẹ ruột đối với các khoản chi phí trong việc nuôi dạy con chung. Ông xác định, bà T có đến thăm con chung nhưng mỗi lần đến thăm con thì ông bà thường xuyên cự cãi nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Ngoài ra, ông cho rằng bà T là công nhân, thường xuyên làm việc tăng ca đến tối, không đảm bảo về giờ giấc, không ổn định về thu nhập và kinh tế để chăm sóc và nuôi dạy con chung.

Thấy rằng, từ khi không còn chung sống với bà T từ cuối năm 2015 đến nay, ông L là người trực tiếp nuôi dạy cháu D. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án, bà T và ông L cùng thống nhất để ông L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu D. Vì vậy, có cơ sở xác định ông L có đủ điều kiện nuôi dạy cháu D, không có cơ sở xác định thu nhập của ông L. Cho nên, để tránh xáo trộn đến cuộc sống của cháu D, xét chấp nhận yêu cầu của ông L, giao cháu D cho ông L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung. Ông L và gia đình phải tạo mọi điều kiện thuận lợi cho bà T được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đây là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con chung. Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bà T xác định bà đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu D, nếu ông L có yêu cầu bà cấp dưỡng. Tại phiên tòa, ông L xác định không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung nên ghi nhận.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết, ông L và bà T thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung; xác

định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; khoản 4 Điều 147; Điều 186; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 9, Điều 14; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm c Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét xử vắng mặt bị đơn bà Đỗ Thị Kim T.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Võ Tấn L và bà Đỗ Thị Kim T là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Võ Kim D, sinh ngày 25/12/2013 cho ông Võ Tấn L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Đỗ Thị Kim T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do ông Võ Tấn L không yêu cầu. Ông L cùng các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho bà T được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Ông Võ Tấn L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0009853 ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L; ông L đã nộp đủ án phí.

Bà Đỗ Thị Kim T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Võ Tấn L có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Đỗ Thị Kim T được tính là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Long Xuyên;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TP. Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Xuân Thu